

Bản án số: 102/2019/HS-PT
Ngày 30 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tiêng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyền và ông Phạm Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo: Bùi Duy B và Hoàng Nghĩa T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Duy B (tên gọi khác: **B C, B T**), sinh năm 1994 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn T và bà Vũ Thị D; nhân thân: Ngày 04-10-2016, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đ xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”; bị bắt tạm giữ từ ngày 08-9-2018 - Có mặt.

2. Hoàng Nghĩa T, sinh năm 1996 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Sửa xe máy; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Nghĩa T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị bắt tạm giữ từ ngày 07-9-2018 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Nghĩa T: Ông Trịnh Quốc Khánh, Luật sư Văn phòng luật sư Quốc Anh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 26-3-2018 và 28-6-2018, chị Phạm Thị Thu T và anh Lê Quang N; địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện Đ vay của chị Vũ Thị T số tiền là 150.000.000 đồng. Sau đó, chị Phạm Thị Thu T đã trả nợ được số tiền 20.000.000 đồng cho chị Vũ Thị T nhưng hai bên không viết giấy trả tiền. Số tiền còn lại là 130.000.000 đồng đã quá thời hạn trả, chị Vũ Thị T nhiều lần đòi nợ nhưng chị Phạm Thị Thu T, anh Lê Quang N không trả. Khoảng đầu tháng 7-2018, chị Vũ Thị T đến cửa hàng cầm đồ của Lê Thành Đ để chơi thì biết được Lê Thành Đ quen biết với Bùi Duy B là người từng nhận đi đòi nợ thuê cho người khác nên xin Lê Thành Đ số điện thoại của Bùi Duy B để liên hệ thuê Bùi Duy B đi đòi nợ.

Sau đó, chị Vũ Thị T đã gọi điện cho B nhờ đòi nợ số tiền mà chị Phạm Thị Thu T, anh Lê Quang N đã vay của mình thì được B đồng ý. Khoảng một tuần sau, B rủ Phạm Văn T và Phạm Hồng D, P và M (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) đến nhà chị Vũ Thị T để thỏa thuận việc đòi nợ thuê. Qua nói chuyện, B biết gia đình chị Phạm Thị Thu T nợ chị Vũ Thị T số tiền 130.000.000 đồng, chị Vũ Thị T đã nhiều lần đòi mà không trả và chị Vũ Thị T thuê B đòi nợ số tiền này, B nhận lời đi đòi nợ cho chị Vũ Thị T nhưng lúc này hai bên chưa thỏa thuận giá cả tiền công mà B đi xuống đòi thử xem nếu được thì tùy chị Vũ Thị T cho lại bao nhiêu tiền thì cho nếu khó thì B sẽ đòi tiền công cao hơn. Sau đó, B cùng Phạm Văn T, D, M và P xuống nhà chị Phạm Thị Thu T nói chuyện đòi nợ cho chị Vũ Thị T thì bị chị Phạm Thị Thu T cùng người trong gia đình chửi bới, báo lực lượng Công an xã đến mời làm việc nhắc nhở vì B không có quyền đến nhà chị Phạm Thị Thu T đòi chị Phạm Thị Thu T trả nợ. Buổi tối cùng ngày khi B về thì chị Vũ Thị T đã gọi điện cho B hỏi thăm, B nói chị Vũ Thị T cùng chồng phải đi làm giấy công chứng ủy quyền cho B đi đòi nợ thì B mới có thể đi đòi nợ được và do thấy việc đòi nợ chị Phạm Thị Thu T khó nên B đòi chị Vũ Thị T chia 50% số tiền đòi được thì chị Vũ Thị T nói cứ đòi đi rồi tính, B nghĩ chị Vũ Thị T nói vậy là đồng ý nên không thỏa thuận gì thêm. Đến ngày 21-8-2018, chị Vũ Thị T cùng chồng Trần Văn T gặp B để cùng đi công chứng giấy ủy quyền, lúc này B nói giấy vay nợ ghi bao nhiêu thì ủy quyền bấy nhiêu nên chị Vũ Thị T và chồng đã đến Văn phòng Công chứng Đ ở thị trấn Đ làm giấy tờ ủy quyền cho B đi đòi số tiền 150.000.000 đồng theo giấy vay nợ đã ghi.

Sau khi có giấy công chứng ủy quyền, B đã đến nhà chị Phạm Thị Thu T vài lần nói chuyện bảo chị Phạm Thị Thu T phải trả tiền nhưng đều bị chị Phạm Thị Thu T từ chối, chửi bới đuổi về. Do vậy, B nghĩ phải tìm cách đe dọa, uy hiếp tinh thần thì mới ép chị Phạm Thị Thu T phải trả số tiền đã vay nợ của chị Vũ Thị T cho B được nên B gọi điện cho Phạm Văn T, Phạm Hồng D nhờ Phạm Văn T và D đi đập kính xe ô tô khách TA (xe của gia đình chị Phạm Thị Thu T) và B ra chợ mua một con búp bê bằng nhựa, thân hình bằng vải bông; 01 lọ mực màu đỏ; 01 chiếc bơm kim tiêm để về làm hình nộm đe dọa người trong gia đình chị Phạm Thị Thu T. Khi về nhà, B dùng mực đỏ bôi vào hai mắt búp bê nhìn giống như búp bê khóc chảy máu mắt, dùng bơm kim tiêm hút mực đỏ rồi đâm

vào ngực của búp bê tạo hình dáng kinh dị. Đến khoảng 22 giờ đêm ngày 29-8-2018, B lấy xe máy của TX (chưa xác định được nhân thân lai lịch) một mình mang theo con búp bê đến nhà chị Phạm Thị Thu T, trên đường đi B nhặt được chiếc ghế làm bằng mây, chỗ ngồi được làm bằng các sợi nhựa đan lại với nhau rồi mang theo đến nhà chị Phạm Thị Thu T. B lén lút đặt con búp bê ngồi ở trên chiếc ghế để trước cửa nhà chị Phạm Thị Thu T, cách cửa chính nhà chị Phạm Thị Thu T khoảng 01m để sáng sớm mở cửa chị Phạm Thị Thu T thấy ngay con búp bê. Khoảng 05 giờ, ngày 30-8-2018, gia đình chị Phạm Thị Thu T dậy chuẩn bị đồ để lái xe khách đi đón khách thì phát hiện sự việc trên, tuy nhiên chị Phạm Thị Thu T không biết ai làm và cũng không trả tiền cho B. Tiếp đó, Phạm Văn T và D mang theo 01 con dao dài đi phục (chờ) xe khách TA đến sẽ để đập kính xe, khi D và Phạm Văn T đến khu vực ngã ba BX chờ thì gặp lực lượng Công an huyện Đ đi tuần tra thấy mang theo vũ khí thô sơ đã yêu cầu về Công an huyện Đ làm việc, sau khi được cho về Phạm Văn T và D sợ bị xử lý nên bỏ trốn khỏi địa phương.

Do các đối tượng Phạm Văn T và D đã đi khỏi địa phương, chưa thực hiện được việc làm vỡ kính xe TA để đe dọa buộc gia đình chị Phạm Thị Thu T phải trả tiền nên B đã gọi điện cho Trương Văn H nói thuê H làm vỡ kính xe ô tô khách TA. Lúc thuê B không nói rõ là làm vỡ kính xe khách TA để đe dọa nhằm mục đích đòi nợ nhưng B nói với H là làm gì cũng có mục đích và H cũng biết B từng đi đòi nợ thuê và qua việc B thỏa thuận sẽ trả tiền công cho H số tiền là 5.000.000 đồng hoặc khi xong việc người khác trả tiền cho B thì B sẽ ăn chia phần trăm số tiền được trả cho H. Lúc này, H biết rõ việc đi làm vỡ kính xe khách TA cho B là để B đe dọa, ép buộc người khác phải trả tiền cho B. Sau đó, B cung cấp số điện thoại nhà xe TA, đặc điểm xe và hướng đi của xe cho H. Trưa ngày 03-9-2018, H qua nhà Hoàng Nghĩa T nói chuyện với Hoàng Nghĩa T về việc B thuê bắn vỡ kính nhà xe TA để dẫn mặt, đe dọa nhà xe này trả tiền cho B, số tiền sau khi làm xong việc sẽ chia đôi và T đồng ý. Đến ngày 04-9-2018, H dùng xe mô tô biển kiểm soát: 48F1-091.73 của ông Trương Văn Đ (bố đẻ của H) chở Hoàng Nghĩa T đi từ xã TH theo đường liên xã sang xã Đ, huyện Đ để dò đường, tìm vị trí ẩn nấp bắn kính vỡ xe ô tô. Khoảng 05 giờ, ngày 05-9-2018, H điều khiển xe mô tô trên mang theo 01 khẩu súng tự chế hình trụ màu bạc đến nhà Hoàng Nghĩa T chở Hoàng Nghĩa T dùng đi bắn kính xe ô tô. Khi đi, Hoàng Nghĩa T điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau đến ngã ba có đường rẽ đi xã Đ, huyện T chờ ở đây. Khoảng 05 phút sau khi xe khách TA do anh Lê Quang N (chồng chị Phạm Thị Thu T) điều khiển chạy ngang qua chỗ Hoàng Nghĩa T, H chờ thì Hoàng Nghĩa T chạy xe mô tô chở H ngồi sau đuổi theo xe và khi đến ngã ba xã Đ rẽ đi xã TH, H nói Hoàng Nghĩa T xi nhan chạy vượt lên để H dùng súng tự chế bắn kính trước của xe. Khi Hoàng Nghĩa T điều khiển xe máy vượt lên xe ô tô TA được khoảng 05 - 10m thì H quay người lại dùng tay cầm súng tự chế đã lên đạn nhắm vào kính xe ô tô của nhà xe TA bắn, rồi Hoàng Nghĩa T tăng ga xe bỏ chạy về hướng xã TH, huyện Đ. Tuy nhiên, do bắn trượt nên kính xe không bị vỡ, anh Lê Quang N không biết việc bị bắn nên xe vẫn chạy bình thường, Hoàng Nghĩa T và H chạy lên trước đứng chờ thấy xe

TA vẫn đi bình thường, không bị vỡ kính nên biết việc làm chưa hoàn thành nên đi về nhà, hẹn ngày hôm sau tiếp tục đi bắn kính xe ô tô khách TA.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 06-9-2018, H tiếp tục sử dụng mô tô biển kiểm soát: 48F1-091.73 đến chỗ Hoàng Nghĩa T tiếp tục đi bắn xe TA, do thấy hôm trước sử dụng súng tự chế có kích thước nhỏ bắn nhưng không làm vỡ kính của xe TA nên khi đi H đã chọn lấy khẩu súng dạng súng thể thao bỏ vào túi vải. Hoàng Nghĩa T chở H đến gần khu vực ngã ba xã Đ - TH, chạy xe vào rẫy cà phê bên phải đường theo hướng đi (xã TH sang xã Đ), đứng phía trong rẫy cà phê để chờ xe ô tô khách TA đi tới sẽ bắn. H mang theo súng, đứng sau gốc cây cà phê hàng đầu tiên gần đường chờ xe ô tô tới, còn Hoàng Nghĩa T đứng cách hướng khoảng 10 - 15m về phía cuối rẫy chờ để sau khi H bắn xong sẽ lấy xe chở H chạy thoát. Chờ khoảng 05 phút sau thì thấy xe khách TA chạy tới, H đưa súng đã lên đạn nhắm vào kính chắn gió phía trước xe ô tô rồi bóp cò súng thì súng nổ, kính xe ô tô phía bên phụ bị thùng vỡ 01 lỗ đường kính 02cm, từ chỗ lỗ thùng tạo ra nhiều đường rạn nứt ra xung quanh vết dài nhất khoảng 20cm, ngắn nhất 03cm. Sau khi bắn vỡ kính xe khách, H bỏ chạy về chỗ cất giấu xe máy, lúc này Hoàng Nghĩa T đã ngồi sẵn trên xe máy nổ máy chờ H chạy trốn về hướng xã TH.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Bùi Duy B và Hoàng Nghĩa T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 170 và điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Duy B 04 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Nghĩa T 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 năm tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 18-8-2019, các bị cáo Bùi Duy B và Hoàng Nghĩa T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Duy B và Hoàng Nghĩa T thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 170 và điểm d khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị

cáo, sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và hình phạt. Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 170 và điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Nghĩa T):

- Xử phạt, bị cáo Bùi Duy B từ 03 năm - 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và từ 02 năm - 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 05 năm - 06 năm tù.

- Xử phạt, bị cáo Hoàng Nghĩa T từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và từ 01 năm 06 tháng - 02 năm tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 04 năm - 05 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Nghĩa T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Nghĩa T.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã kết án các bị cáo Bùi Duy B và Hoàng Nghĩa T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 170 và điểm d khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Duy B, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân của bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Nghĩa T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Vai trò, tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Nghĩa T thấp hơn các bị cáo khác. Song, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt bị cáo 06 năm tù là chưa thể hiện sự công bằng giữa các bị cáo và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình có hoàn cảnh khó khăn được xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Duy B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy B, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Nghĩa T.

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 170 và điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Duy B 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù tính từ bị bắt tạm giữ là ngày 08-9-2018.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Nghĩa T 03 (Ba) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù tính từ bị bắt tạm giữ là ngày 07-9-2018.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Duy B phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKTĐ);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Song;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

K'Tiêng